

Số: /QĐ-UBND

Như Thanh, ngày tháng năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật (BCKTKT) Công trình:  
Cải tạo, nâng cấp nhà hiệu bộ, 2 nhà lớp học bộ môn 2 tầng 4 phòng và các  
hạng mục phụ trợ trường THCS Thanh Kỳ, huyện Như Thanh**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ THANH**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Thủ tướng phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 06/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Thông tư 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;*

*Căn cứ Công văn số 5543/TCĐBVN-QLBTĐB ngày 05/7/2021 của Tổng cục đường bộ Việt Nam về việc Công bố xếp loại đường để tính cước vận tải đường bộ do Trung ương quản lý năm 2021;*

*Căn cứ Quyết định số 4272/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa Về việc công bố Bộ đơn giá xây dựng công trình tỉnh Thanh Hóa;*

*Căn cứ Quyết định số 2791/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc Công bố xếp loại các tuyến đường tỉnh trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá;*

*Căn cứ Nghị quyết số 176/NQ-HĐND ngày 21/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Như Thanh khóa VI, kỳ họp thứ 10 về việc quyết định giao dự toán thu*

*ngân sách nhà nước trên địa bàn thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2023, huyện Như Thanh;*

*Căn cứ Quyết định 3368/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND huyện Như Thanh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; Thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2023, huyện Như Thanh;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện tại văn bản số 222/KTHT ngày 05/6/2023 về kết quả thẩm định báo cáo KTKT đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp nhà hiệu bộ, 2 nhà lớp học bộ môn 2 tầng 4 phòng và các hạng mục phụ trợ trường THCS Thanh Kỳ, huyện Như Thanh (Kèm tờ trình số 02/TTr-THCSTK ngày 29/5/2023 của Trường THCS Thanh Kỳ).*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp nhà hiệu bộ, 2 nhà lớp học bộ môn 2 tầng 4 phòng và các hạng mục phụ trợ trường THCS Thanh Kỳ, huyện Như Thanh với các nội dung chủ yếu sau:

**1. Tên công trình:** Cải tạo, nâng cấp nhà hiệu bộ, 2 nhà lớp học bộ môn 2 tầng 4 phòng và các hạng mục phụ trợ trường THCS Thanh Kỳ, huyện Như Thanh.

**2. Chủ đầu tư:** Trường THCS Thanh Kỳ, huyện Như Thanh.

**3. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập báo cáo KTKT:** Công ty cổ phần Alpha 94 lập.

**4. Mục tiêu đầu tư:** Từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất, phòng học, phòng làm việc của Ban giám hiệu và giáo viên, cũng như đảm bảo cơ sở vật chất để trường THCS Thanh Kỳ được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 năm 2023.

**5. Địa điểm xây dựng:** xã Thanh Kỳ, huyện Như Thanh.

**6. Quy mô đầu tư và giải pháp thiết kế chủ yếu:**

**6.1. Quy mô đầu tư:** Công trình được đầu tư xây dựng gồm có các hạng mục sau: Nhà hiệu bộ, 02 nhà lớp học bộ môn 02 tầng 04 phòng, cấp điện cấp nước ngoài nhà và hạng mục phá dỡ.

**6.2. Giải pháp thiết kế chủ yếu:**

**6.2.1. Nhà hiệu bộ**

6.2.1.1 Phần kiến trúc.

Công trình có quy mô 2 tầng với diện tích xây dựng  $S_{xd}=182,7m^2$ , diện tích sàn  $S_s=380,17m$ ; diện tích sàn tầng 2  $S_{s2}=172,17m^2$ , diện tích sàn mái  $S_m=208m^2$ . Mặt bằng nhà dạng hình chữ nhật có kích thước 18m x 8,4m (tính từ tim trục đến tim trục), chiều cao tầng 1 và tầng 2 là 3,6m, chiều cao mái là 2,3m. Cốt  $\pm 0,000$

tương ứng với cốt +30,85 hiện trạng và là cốt nền tầng 1 cao hơn cốt sân hoàn thiện 0,55m chiều cao công trình từ cốt sân tới đỉnh mái là 10,05m.

Công trình gồm có 05 phòng bao gồm: Phòng hiệu trưởng, phòng họp được bố trí ở tầng 1 và 03 phòng chức năng được bố trí trên tầng 2, 01 khu vệ sinh chung được bố trí tại gầm cầu thang. Giao thông theo phương đứng là cầu thang bộ, giao thông theo phương ngang là sảnh và hành lang dọc nhà.

Phần thân được giải pháp là khung bê tông cốt thép toàn khối, có kết cấu tường bao quanh được xây bằng gạch bê tông, tường xây 220mm được xây bằng VXM M50, tường xây 110 được xây bằng VXM M75. Trát tường trong bằng vữa xi măng M50 dày 1,5cm, trát tường ngoài nhà dùng VXM M75 dày 1,5cm. Trát trần, lan tô, ô văng hoặc các cấu kiện bê tông cốt thép dùng VXM M75.

Nền nhà được lát gạch ceramic 600x600mm. Bậc cầu thang tam cấp lát đá Granit tự nhiên; Lan can hành lang, cầu thang sử dụng lan can thép bằng thép hoàn thiện bằng sơn tĩnh điện.

Toàn bộ cửa đi, cửa sổ và vách kính của nhà được sử dụng nhôm hệ pano kính, kính dán an toàn 6,38mm. Cửa sổ có hoa sắt sử dụng sắt đặc 14x14 và được hoàn thiện bằng sơn tĩnh điện.

Phần mái: xây tường thu hồi 110mm kết hợp xây bổ trụ có giằng bê tông cốt thép dày 100mm, kết hợp với xà gồ thép U80x40x2,0mm tạo nên kết cấu chịu lực, mái lợp tôn sóng liên doanh dày 0,4mm. Mái tôn được bắn ke chống bão với mật độ 4 cái/1m<sup>2</sup>.

#### 6.2.1.2. Phần kết cấu.

Phần móng: Phương án kết cấu móng lựa chọn là móng đơn bê tông cốt thép kết hợp với xây móng đá hộc. Móng đơn dùng bê tông cốt thép đá 1x2, M250 đặt sâu 1,3m so với cốt sân hoàn thiện và giằng móng bê tông cốt thép đá 1x2 M250, móng dùng lớp bê tông lót đá 4x6 vữa xi măng M100, bên trên móng được khóa bởi hệ giằng móng 22x40cm bằng bê tông cốt thép đá 1x2 M250. Phần móng đá hộc được xây bằng vữa xi măng M50 trên lớp bê tông lót móng bằng đá 4x6 M100.

Phần thân: Dùng hệ khung bê tông toàn khối kết hợp với tường làm kết cấu bao che. Hệ cột sử dụng hai tiết diện 22x22cm ở trục A, tiết diện 22x30cm ở trục B và C. Hệ dầm được sử dụng dầm 22x50cm ở trong phòng và hệ dầm 22x35cm ở hệ thống hành lang. Hệ sàn dùng sàn bê tông cốt thép dày 12cm đá 1x2 mác 250. Lan tô, ô văng được sử dụng bằng bê tông cốt thép đá 1x2 M200.

#### 6.2.1.3. Hệ thống điện.

Từ nguồn cấp của trường dùng điện 03 pha, dây cáp ngầm DSTA 4x70 mm<sup>2</sup> dẫn đến tủ điện tổng của công trình, đặt tại gầm cầu thang tầng 1. Từ tủ điện mỗi phòng đến ổ cắm và điều hòa sử dụng dây CU/PVC-2(1x2,5)mm<sup>2</sup>, đến các thiết bị

quạt, chiếu sáng sử dụng dây CU/PVC-2(1x1,5)mm<sup>2</sup>, toàn bộ dây dẫn trong phòng sử dụng ống gen bảo vệ. Sơ đồ cấp điện được tính toán và lắp đặt hệ thống aptomat tự động, đảm bảo an toàn hoạt động cho hệ thống điện công trình. Toàn bộ hệ thống điện được thiết kế nối đất an toàn.

#### 6.2.1.4. Phần cấp thoát nước.

Phần cấp nước: Nước được cấp trực tiếp từ téc nước inox mái nhà lớp học bộ mô số 02 bằng đường ống HDPE D32mm PN16 và dẫn xuống các thiết bị bằng ống PPR D25mm PN16.

Phần thoát nước: Thoát nước chậu rửa, thoát sàn sử dụng ống U.PVC PN8 D75mm, thoát nước bệ xí sử dụng ống U.PVC D110mm PN8 thoát xuống bể tự hoại công trình. Nước thông qua xử lý sẽ thải trực tiếp ra hệ thống thoát nước của trường.

Phần thoát nước mái: Thoát nước mái được thoát xuống theo các ống đứng uPVC D90mm PN8 và được dẫn vào rãnh thoát nước ngoài nhà. Sử dụng ống nhựa U.PVC D48mm PN8 thoát tràn tại các vị trí sê nô mái.

#### 6.2.1.5. Phương án chống sét.

Thiết kế chống sét sử dụng kim thu sét D16 chiều dài L=1,0m gắn trên mái, dây dẫn sét sử dụng dây thép D12mm, nối với hệ thống cọc tiếp địa thép V63x63x6mm - L=2,5m được đóng khoảng cách a=3,0m. Hệ thống cọc tiếp địa được nối với nhau bằng dây thép D12mm. Công trình được bố trí 01 hộp kiểm tra tiếp địa.

#### 6.2.1.6. Phần chữa cháy.

Tại mỗi tầng bố trí tủ PCCC gồm 1 bình chữa cháy MT3-CO<sub>2</sub> và 2 bình chữa cháy ABC kèm theo bộ tiêu lệnh, nội quy, biển báo thoát hiểm.

Công trình được bố trí 01 thang thép thoát hiểm, được sơn tĩnh điện.

### 6.2.2. Nhà lớp học bộ môn số 01

#### 6.2.2.1 Phần kiến trúc.

Công trình được xây dựng mới với diện tích xây dựng  $S_{xd}=319,5m^2$ ; với tổng diện tích sàn  $S_s=606,9m^2$ , diện tích sàn tầng 2  $S_2= 292,66m^2$ , diện tích sàn mái  $S_m= 314,24m^2$ . Mặt bằng nhà dạng hình chữ nhật có kích thước 26,52m x 12,3m (tính từ tim trục đến tim trục). Chiều cao các tầng là 3,6m, chiều cao mái là 2,3m. Cốt ±0,000 tương ứng với cốt +30,74 hiện trạng và là cốt nền tầng 1 cao hơn cốt sân hoàn thiện 0,55m chiều cao công trình từ cốt sân tới đỉnh mái là 10,05m.

Công trình gồm có 04 phòng học bộ môn, giao thông theo phương đứng gồm 01 cầu thang bộ, giao thông theo phương ngang là sảnh và hành lang dọc nhà.

Phần thân là khung bê tông cốt thép toàn khối, có kết cấu tường bao quanh được xây bằng gạch bê tông, tường xây 220mm được xây bằng VXM M50, tường xây 110 được xây bằng VXM M75. Trát tường trong bằng vữa xi măng M50 dày 1,5cm, trát tường ngoài nhà dùng VXM M75 dày 1,5cm. Trát trần, lanh tô, ô văng hoặc các cấu kiện bê tông cốt thép dùng VXM M75.

Nền nhà được lát gạch ceramic 600x600mm. Bậc cầu thang tam cấp, sảnh chính nhà được lát bằng đá Granit tự nhiên; Lan can hành lang, cầu thang sử dụng lan can thép bằng thép và sơn hoàn thiện bằng sơn tĩnh điện;

Đường ram dốc giành riêng cho người khuyết tật được xây móng bằng gạch bê tông đặc VXM M75. Nền được đổ bê tông đá 1x2 M200, lan can sử dụng lan can thép và hoàn thiện bằng sơn tĩnh điện.

Toàn bộ cửa đi, cửa sổ và vách kính của nhà được sử dụng nhôm hệ pano kính, kính dán an toàn 6,38mm. Cửa sổ có hoa sắt sử dụng sắt đặc 14x14 và sơn tĩnh điện hoàn thiện;

Phần mái: xây tường thu hồi 110mm kết hợp xây bổ trụ có giằng bê tông cốt thép dày 100mm, kết hợp với xà gồ thép U80x40x2,0mm tạo nên kết cấu chịu lực, mái lợp tôn sóng liên doanh dày 0,4mm. Mái tôn được bắn ke chống bão với mật độ 4 cái/1m<sup>2</sup>.

#### 6.2.2.2. Phần kết cấu.

Phần móng: Phương án kết cấu móng lựa chọn là móng đơn bê tông cốt thép kết hợp với xây móng đá hộc. Móng đơn dùng bê tông cốt thép đá 1x2, M250 đặt sâu 1,3m so với cốt sàn hoàn thiện và giằng móng bê tông cốt thép đá 1x2 M250, móng dùng lớp bê tông lót đá 4x6 vữa xi măng M100, bên trên móng được khóa bởi hệ giằng móng 22x40cm bằng bê tông cốt thép đá 1x2 M250. Phần móng đá hộc được xây bằng vữa xi măng M50 trên lớp bê tông lót móng bằng đá 4x6 M100.

Phần thân: Dùng hệ khung bê tông toàn khối kết hợp với tường làm kết cấu bao che. Hệ cột sử dụng các tiết diện 22x22cm, 22x30cm, 22x35cm và 22x40cm. Hệ dầm được sử dụng dầm 22x60cm ở trong phòng và hệ dầm 22x35cm ở hệ thống hành lang. Hệ sàn dùng sàn bê tông cốt thép dày 12cm đá 1x2 mác 250. Lanh tô, ô văng được sử dụng bằng bê tông cốt thép đá 1x2 M200.

#### 6.2.2.3. Hệ thống điện.

Từ nguồn cấp của tủ điện tổng đặt tại vị trí nhà lớp học bộ môn số 2 dùng điện 03 pha, dây cáp ngầm DSTA 4x25 mm<sup>2</sup> dẫn đến tủ điện tổng của công trình, đặt tại gầm cầu thang tầng 1. Từ tủ điện mỗi phòng đến ổ cắm và điều hòa sử dụng dây CU/PVC-2(1x2,5)mm<sup>2</sup>, đến các thiết bị quạt, chiếu sáng sử dụng dây CU/PVC-2(1x1,5)mm<sup>2</sup>, toàn bộ dây dẫn trong phòng sử dụng ống gen bảo vệ. Sơ đồ cấp điện được tính toán và lắp đặt hệ thống aptomat tự động, đảm bảo an toàn

hoạt động cho hệ thống điện công trình. Toàn bộ hệ thống điện được thiết kế nói đất an toàn.

#### 6.2.2.4. Phần cấp thoát nước.

Phần cấp nước được lấy từ téc nước inox trên mái của nhà lớp học bộ môn số 01 bằng đường ống PPR D32mm PN16 theo trục chính, cấp xuống các thiết bị bằng ống PPR D25mm PN16.

Thoát nước chậu rửa được thu về ống U.PVC D60mm PN8 dẫn về ống thoát trục chính U.PVC D90mm PN8. Thoát xuống đường ống U.PVC D110mm thoát ra bể xử lý nước trước khi thoát ra môi trường.

Thoát nước mái được thoát xuống theo các ống đứng uPVC D90mm PN8 và được dẫn vào rãnh thoát nước ngoài nhà. Sử dụng ống nhựa U.PVC D48mm PN8 thoát tràn tại các vị trí sân mái.

#### 6.2.2.5. Phương án chống sét.

Thiết kế chống sét sử dụng kim thu sét D16 chiều dài  $L=1,0m$  gắn trên mái, dây dẫn sét sử dụng dây thép D12mm, nối với hệ thống cọc tiếp địa thép V63x63x6mm -  $L=2,5m$  được đóng khoảng cách  $a=3,0m$ . Hệ thống cọc tiếp địa được nối với nhau bằng dây thép D12mm. Công trình được bố trí 01 hộp kiểm tra tiếp địa.

#### 6.2.2.6. Phần chữa cháy.

Tại mỗi tầng bố trí tủ PCCC gồm 1 bình chữa cháy MT3-CO2 và 2 bình chữa cháy ABC kèm theo bộ tiêu lệnh, nội quy, biển báo thoát hiểm.

Công trình được đặt chờ dây dẫn để lắp các thiết bị hệ thống báo cháy tự động.

### 6.2.3. Nhà lớp học bộ môn số 02.

#### 6.2.3.1 Phần kiến trúc.

Công trình được xây dựng mới với diện tích xây dựng  $S_{xd}= 276,05m^2$ ; với tổng diện tích sàn  $S_s= 516,69m^2$ , diện tích sàn tầng 2  $S_2= 249,76m^2$ , diện tích sàn mái  $S_m= 266,93m^2$ . Mặt bằng nhà dạng hình chữ nhật có kích thước 22,2m x 12,3m (tính từ tim trục đến tim trục). Chiều cao các tầng là 3,6m, chiều cao mái là 2,3m. Cốt  $\pm 0,000$  tương ứng với cốt +30,74 hiện trạng và là cốt nền tầng 1 cao hơn cốt sân hoàn thiện 0,75m chiều cao công trình từ cốt sân tới đỉnh mái là 10,25m.

Công trình gồm có 04 phòng học bộ môn, giao thông theo phương đứng gồm 01 cầu thang bộ, giao thông theo phương ngang là sảnh và hành lang dọc nhà.

Phần thân là khung bê tông cốt thép toàn khối, có kết cấu tường bao quanh được xây bằng gạch bê tông, tường xây 220mm được xây bằng VXM M50, tường xây 110 được xây bằng VXM M75. Trát tường trong bằng vữa xi măng M50 dày

1,5cm, trát tường ngoài nhà dùng VXM M75 dày 1,5cm. Trát trần, lanh tô, ô văng hoặc các cấu kiện bê tông cốt thép dùng VXM M75.

Nền nhà được lát gạch ceramic 600x600mm. Bậc cầu thang tam cấp, sảnh chính nhà được lát bằng đá Granit tự nhiên; Lan can hành lang, cầu thang sử dụng lan can thép bằng thép và sơn hoàn thiện bằng sơn tĩnh điện;

Đường ram dốc giành riêng cho người khuyết tật được xây móng bằng gạch bê tông đặc VXM M75. Nền được đổ bê tông đá 1x2 M200, lan can sử dụng lan can thép và hoàn thiện bằng sơn tĩnh điện.

Toàn bộ cửa đi, cửa sổ và vách kính của nhà được sử dụng nhôm hệ pano kính, kính dán an toàn 6,38mm. Cửa sổ có hoa sắt sử dụng sắt đặc 14x14 và sơn tĩnh điện hoàn thiện.

Phần mái: xây tường thu hồi 110mm kết hợp xây bổ trụ có giằng bê tông cốt thép dày 100mm, kết hợp với xà gồ thép U80x40x2,0mm tạo nên kết cấu chịu lực, mái lợp tôn sóng liên doanh dày 0,4mm. Mái tôn được bắn ke chống bão với mật độ 4 cái/1m<sup>2</sup>.

#### 6.2.3.2. Phần kết cấu.

Phần móng: Phương án kết cấu móng lựa chọn là móng đơn bê tông cốt thép kết hợp với xây móng đá hộc. Móng đơn dùng bê tông cốt thép đá 1x2, M250 đặt sâu 1,1m so với cốt sàn hoàn thiện và giằng móng bê tông cốt thép đá 1x2 M250, móng dùng lớp bê tông lót đá 4x6 vữa xi măng M100, bên trên móng được khóa bởi hệ giằng móng 22x40cm bằng bê tông cốt thép đá 1x2 M250. Phần móng đá hộc được xây bằng vữa xi măng M50 trên lớp bê tông lót móng bằng đá 4x6 M100.

Phần thân: Dùng hệ khung bê tông toàn khối kết hợp với tường làm kết cấu bao che. Hệ cột sử dụng các tiết diện 22x22cm, 22x30cm, 22x35cm và 22x40cm. Hệ dầm được sử dụng dầm 22x60cm ở trong phòng và hệ dầm 22x35cm ở hệ thống hành lang. Hệ sàn dùng sàn bê tông cốt thép dày 12cm đá 1x2 mác 250. Lanh tô, ô văng được sử dụng bằng bê tông cốt thép đá 1x2 M200.

#### 6.2.3.3. Hệ thống điện.

Từ nguồn cấp của tủ điện tổng đặt tại vị trí nhà hiệu bộ dùng điện 03 pha, dây cáp ngầm DSTA 4x50 mm<sup>2</sup> dẫn đến tủ điện tổng của công trình, đặt tại gầm cầu thang tầng 1. Từ tủ điện mỗi phòng đến ổ cắm và điều hòa sử dụng dây CU/PVC-2(1x2,5)mm<sup>2</sup>, đến các thiết bị quạt, chiếu sáng sử dụng dây CU/PVC-2(1x1,5)mm<sup>2</sup>, toàn bộ dây dẫn trong phòng sử dụng ống gen bảo vệ. Sơ đồ cấp điện được tính toán và lắp đặt hệ thống aptomat tự động, đảm bảo an toàn hoạt động cho hệ thống điện công trình. Toàn bộ hệ thống điện được thiết kế nối đất an toàn.

#### 6.2.3.4. Phần cấp thoát nước.

Phần cấp nước được lấy từ giếng khoan xây dựng mới cấp lên téc nước inox trên mái bằng đường ống HDPE D32mm PN16. Từ téc nước mái cấp xuống bằng đường ống PPR D50mm dẫn xuống đường ống trục chính PPR D32mm; và cấp cho các thiết bị bằng ống PPR D25mm PN16.

Thoát nước chậu rửa được thu về ống U.PVC D60mm PN8 dẫn về ống thoát trục chính U.PVC D90mm PN8. Thoát xuống đường ống U.PVC D110mm thoát ra bể xử lý nước trước khi thoát ra môi trường.

Thoát nước mái được thoát xuống theo các ống đứng uPVC D90mm PN8 và được dẫn vào rãnh thoát nước ngoài nhà. Sử dụng ống nhựa U.PVC D48mm PN8 thoát tràn tại các vị trí sân mái.

#### 6.2.3.5. Phương án chống sét.

Thiết kế chống sét sử dụng kim thu sét D16 chiều dài L=1,0m gắn trên mái, dây dẫn sét sử dụng dây thép D12mm, nối với hệ thống cọc tiếp địa thép V63x63x6mm - L=2,5m được đóng khoảng cách a=3,0m. Hệ thống cọc tiếp địa được nối với nhau bằng dây thép D12mm. Công trình được bố trí 01 hộp kiểm tra tiếp địa.

#### 6.2.3.6. Phần chữa cháy.

Tại mỗi tầng bố trí tủ PCCC gồm 1 bình chữa cháy MT3-CO2 và 2 bình chữa cháy ABC kèm theo bộ tiêu lệnh, nội quy, biển báo thoát hiểm.

Công trình được đặt chờ dây dẫn để lắp các thiết bị hệ thống báo cháy tự động.

### 6.2.4 Cấp điện cấp nước ngoài nhà.

Phần cấp điện ngoài nhà: Điện được lấy từ nguồn cấp tổng của nhà trường, dây cáp về công trình nhà hiệu bộ dùng dây cáp ngầm DSTA 4x70 mm<sup>2</sup>. Từ nhà hiệu bộ cấp về cho nhà lớp học bộ môn số 02 bằng dây cáp ngầm DSTA 4x50 mm<sup>2</sup>. Từ tủ điện tổng nhà lớp học bộ môn số 02 cấp về cho nhà lớp học bộ môn số 01 bằng dây cáp ngầm DSTA 4x25mm<sup>2</sup>. Toàn bộ hệ thống dây dẫn được luồn trong ống nhựa HDPE gân xoắn và nằm trong lớp cát đen dày 30cm, có gạch xếp gạch bảo vệ và hệ thống lưới, mốc sứ báo hiệu cáp.

Phần cấp nước ngoài nhà: Cấp nước cho các công trình được lấy từ giếng khoan xây dựng mới của nhà trường. Nước được bơm lên bằng máy bơm đặt tại nhà lớp học bộ môn số 02 bằng ống nhựa HDPE D32mm PN16 cấp lên téc nước mái. Ống cấp nước ngoài nhà được đi âm với đường ống được nằm trong lớp cát đen dày 30cm, có gạch xếp gạch bảo vệ và hệ thống lưới báo cảnh báo.

*(Chi tiết theo bản vẽ TKTC đã thẩm định)*

**7. Loại, cấp công trình:** Công trình dân dụng, cấp III.

**8. Tổng mức đầu tư: 9.990.421.000 đồng** (Bằng chữ: Chín tỷ, chín trăm chín mươi triệu, bốn trăm hai mươi mốt nghìn đồng).



*Trong đó:*

- Chi phí xây dựng:	8.487.639.000	đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	284.507.000	đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD:	747.615.000	đồng;
- Chi phí khác:	86.413.000	đồng;
- Chi phí dự phòng:	384.247.000	đồng;

**9. Nguồn vốn đầu tư:** Ngân sách huyện.

**10. Hình thức quản lý:** Ban quản lý đầu tư xây dựng khu vực.

**11. Thời gian thực hiện:** Năm 2023.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện.**

Trường THCS Thanh Kỳ, huyện Như Thanh chịu trách nhiệm chính trong quản lý đầu tư xây dựng công trình. Ban quản lý dự án ĐTXD huyện được ủy thác quản lý dự án có trách nhiệm giúp Chủ đầu tư triển khai, thực hiện dự án, đồng thời phối hợp với các đơn vị liên quan tiến hành các bước tiếp theo. Hiệu trưởng Trường THCS Thanh Kỳ, huyện Như Thanh, Giám đốc Ban quản lý dự án ĐTXD huyện chịu trách nhiệm trước UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện và trước pháp luật về các quyết định liên quan đến việc xây dựng công trình này.

Các phòng Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch; Kho bạc Nhà nước huyện Như Thanh theo chức năng nhiệm vụ hướng dẫn Chủ đầu tư tổ chức thi công, nghiệm thu, thanh toán và quyết toán theo quy định của pháp luật; Đảm bảo tiến độ thi công, đưa công trình vào sử dụng đúng thời gian quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng HĐND & UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện, Giám đốc Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Như Thanh, Chủ tịch UBND xã Thanh Kỳ, Hiệu trưởng Trường THCS Thanh Kỳ, huyện Như Thanh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- PCT Hàn Văn Huyền;
- Lưu: VT, KTHT.

**CHỦ TỊCH**

**Đặng Tiến Dũng**

## BẢNG TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO NÂNG CẤP NHÀ HIỆU BỘ, 02 NHÀ LỚP HỌC BỘ MÔN 2 TẦNG 4 PHÒNG VÀ CÁC HẠNG MỤC PHỤ TRỢ TRƯỜNG THCS THANH KỲ, HUYỆN NHƯ THANH

Kèm Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND huyện Như Thanh)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
<b>I</b>	<b>Chi phí xây dựng</b>		<b>1+2+3+4</b>	<b>7.716.035.336</b>	<b>771.603.534</b>	<b>8.487.639.000</b>	<b>Gxd</b>
1	Phân phá dỡ		Theo bảng THDTHM	24.140.536	2.414.054	26.555.000	
2	Nhà hiệu bộ		Theo bảng THDTHM	2.071.029.268	207.102.927	2.278.132.000	
3	Nhà lớp học bộ môn số 01		Theo bảng THDTHM	2.882.963.706	288.296.371	3.171.260.000	
4	Nhà lớp học bộ môn số 02		Theo bảng THDTHM	2.572.470.910	257.247.091	2.829.718.000	
5	Cấp điện, cấp nước ngoài nhà		Theo bảng THDTHM	165.430.916	16.543.092	181.974.000	
<b>II</b>	<b>Chi phí quản lý dự án</b>	<b>3,446%</b>	<b>Gxd trước thuế x tỷ lệ</b>	<b>265.894.578</b>	<b>18.612.620</b>	<b>284.507.000</b>	<b>Gqlda</b>
<b>III</b>	<b>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</b>		<b>1+2+3+4+5+6+7+8</b>	<b>680.748.767</b>	<b>66.865.277</b>	<b>747.615.000</b>	<b>Gtv</b>
1	Chi phí khảo sát địa hình, địa chất		Theo QĐ số 02/QĐ-THCSTK ngày 30/01/2023 của Trường THCS Thanh Kỳ	61.940.909	6.194.091	68.135.000	
2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng			1.858.000		1.858.000	
3	Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng			2.522.000		2.522.000	
4	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	4,146%	Gxd trước thuế x tỷ lệ	319.906.825	31.990.683	351.898.000	
5	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT thi công	0,432%	Gxd trước thuế x tỷ lệ	33.333.273	3.333.327	36.667.000	
6	Chi phí giám sát thi công xây dựng	3,285%	Gxd trước thuế x tỷ lệ	253.471.761	25.347.176	278.819.000	
7	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, HSYC	0,05%	Gxd trước thuế x tỷ lệ	3.858.000		3.858.000	
8	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	0,05%	Gxd trước thuế x tỷ lệ	3.858.000		3.858.000	
<b>IV</b>	<b>Chi phí khác</b>		<b>1+2+3+4</b>	<b>85.795.828</b>	<b>617.283</b>	<b>86.413.000</b>	<b>Gk</b>
1	Chi phí bảo hiểm công trình	0,08%	Gxd trước thuế x tỷ lệ	6.172.828	617.283	6.790.000	
2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	0,390%	Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	38.993.000		38.993.000	
3	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu CTXD		Tạm tính	3.000.000		3.000.000	
4	Chi phí thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật	80%	CPTTBCKTKT x tỷ lệ	37.630.000		37.630.000	
<b>V</b>	<b>Chi phí dự phòng</b>	<b>4%</b>	<b>(I+II+III+IV)x tỷ lệ</b>			<b>384.247.000</b>	<b>Gdp</b>
	<b>Tổng cộng</b>					<b>9.990.421.000</b>	<b>Gxdct</b>

Bảng chữ: Chín tỷ chín trăm chín mươi triệu bốn trăm hai mươi một nghìn đồng./.